TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2024
"V/v:Ly hôn và giải quyết về con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Quang Thái và bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Lan Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn và giải quyết về con chung",theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 03 tháng 02 năm 2010. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T tại tổ dân phố Lưu Quang, thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên. Trong quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội thay đổi, thậm chí đã từng làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng về chung sống, đoàn tụ nhưng anh T không

thay đổi. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày, giữa chị Th và mẹ đẻ của anh T cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải. Đến tháng 07 năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng, anh T có đánh và đuổi chị Th ra khỏi nhà, hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân, cả hai không quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể kéo dài, chị xin được ly hôn với anh Vũ Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc Bảo B, sinh ngày 09/12/2010 và cháu Vũ Ngọc Bảo H, sinh ngày 28/4/2014 (hiện cả hai con chung đang ở cùng anh T). Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo H; để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Phía bị đơn là anh Vũ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và hòa giải anh trình bày và xác nhận: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị Th trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Tuy nhiên sau khi bị chị Th phát hiện thì anh đã thay đổi. Ngoài ra, trong quá trình chung sống thì giữa chị Th và mẹ đẻ của anh cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay chưa tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 07 năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân, anh vẫn hỏi han, quan tâm chị Th. Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh thừa nhận như chị Th trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Vũ Ngọc T. Về con chung: Giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Ngọc Bảo B, sinh ngày 09/12/2010, chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Ngọc Bảo H, sinh ngày 28/4/2014. Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc T, anh T có địa chỉ thường trú tại: Tổ dân phố Lưu Quang, thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị T và anh Vũ Ngọc T kết hôn trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn do luật định nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th khai nguyên nhân mâu thuẫn là doanh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội thay đổi, thậm chí đã từng làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T nhưng sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng về chung sống, đoàn tụ nhưng anh T không thay đổi. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày, giữa chị Th và mẹ đẻ của anh T cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải. Phía chị Th khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh T. Phía anh T không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình vợ chồng sống ly thân, anh Tc ũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy giữa chị Th và anh T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Th và anh T đều thừa nhận họ có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc Bảo B, sinh ngày 09/12/2010 và cháu Vũ Ngọc Bảo H, sinh ngày 28/4/2014 (hiện cả hai con chung đang ở cùng anh T). Ly hôn, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo H; để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Phía chị Th trình bày hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập 6.000.000đ/tháng. Phía anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung và trình bày hiện anh đang làm công nhân, thu nhập khoản 10.000.000đ/tháng. Xét thấy, cháu Bảo B có nguyện vọng ở với anh T, cháu Bảo H có nguyện vọng ở với chị Th, với nguồn thu nhập của anh T như đã trình bày là không đủ để nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Vì vậy, cần giao cho anh T, chị Th mỗi người nuôi dưỡng một con chung như nguyện vọng của các cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Vũ Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Ngọc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháuVũ Ngọc Bảo B, sinh ngày 09/12/2010; chị Lê Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Bảo H, sinh ngày 28/4/2014 (Hiện cháo Bảo B và cháu Bảo H đang ở cùng anh T), các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con cùng cho nhau. Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, gây khó khăn.

3.Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002406 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND TT Gia Khánh, H Bình Xuyên;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Vân Hồng